

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/DS – ST
Ngày: 20-02-2024
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VINH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến
2. Ông Nguyễn Văn Mua

Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXXST – DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST – DS, ngày 22 ngày 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1978 (Có mặt)

Nơi cư trú: **Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.**

- Bị đơn: Bà **Trương Thị Thu T**, sinh năm 1968 (Có mặt)

Nơi cư trú: **Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Cao Thị Thúy K**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: **số B, Nguyễn Văn L, khóm E, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.**

2. Bà **Cao Thị T1**, sinh năm 1954 (Có mặt)

Nơi cư trú: **Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông **Nguyễn Văn H** trình bày:

Vào ngày 06/01/2023, ông **Nguyễn Văn H** có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà **Cao Thị Thúy K** tại thửa số 207, tờ đồ số 23, diện tích 4.018,2m², loại đất lúa, tọa lạc ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long với giá chuyển nhượng 330.000.000đồng. Khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông **H** có đến xem đất và trên phần đất đang trồng cam, bà **K** nói là cam do bà **T** trồng vì trước khi bà **T1** bán đất cho bà **K** thì bà **T1** có làm hợp đồng cõ đất cho bà **T** với thời hạn là 05 năm từ ngày 21/5/2015 đến ngày 21/5/2020, hết thời hạn cõ đất do cam còn đang cho trái nên bà **T1** cho bà **T** thuê thêm 01 năm, bà **K** cũng đồng ý. Mặt khác, bà **K** có đưa cho ông **H** xem giấy cõ đất giữa bà **T1** và bà **T** là đã hết hạn, khi bà **T1** chuyển nhượng đất cho bà **K** giấy tờ cũng hợp lệ nên ông **H** đồng ý chuyển nhượng mà không có tìm gặp bà **T** để hỏi vì sao vẫn còn trồng cam.

Nay ông **H** yêu cầu bà **T** trả phần đất tại thửa số 207, tờ đồ 23, diện tích 4.018,2m², loại đất lúa, đất tọa lạc ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do ông **Nguyễn Văn H** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu bà **T** di dời cây cam ra khỏi đất, ông **H** không đồng ý hỗ trợ bồi thường cây trồng cho bà **T**.

- Bị đơn bà **Trương Thị Thu T** trình bày:

Vào ngày 21/5/2015 bà **Trương Thị Thu T** nhận cõ đất của bà **Cao Thị T1**, với thời hạn cõ là 05 năm từ ngày 21/5/2015 đến ngày 21/5/2020 với số tiền 150.000.000đồng, việc cõ đất có làm giấy tay đã giao tiền đủ cho bà **T1**. Đến năm 2020 hết thời hạn cõ bà **T1** không chuộc lại đất mà thỏa thuận miệng là bán đất cho bà **T** phần đất nêu trên với giá là 250.000.000đồng/1.000m², bà **T** đồng ý và đặt tiền cọc cho bà **T1** 15.000.000đồng, việc giao tiền không có làm biên nhận. Bà **T1** nói sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bà **T** sẽ giao đủ tiền cho bà **T1** nhưng không thực hiện.

Khi bà **T1** chuyển nhượng đất cho bà **K** và bà **K** chuyển nhượng lại cho ông **H** thì bà **T** không hay biết.

Nay bà **T** đồng ý trả lại phần đất tại thửa số 207, tờ đồ 23, diện tích 4,018,2m², loại đất lúa, đất tọa lạc ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cho ông **Nguyễn Văn H**. Ngoài ra, bà **T** yêu cầu bà **T1** trả lại tiền cõ đất 165.000.000 đồng và trả lại giá trị cây trồng trên đất theo biên bản định giá ngày 25/7/2023 là 424.695.000đồng. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà **Cao Thị Thúy K** vắng mặt tại phiên toà. Tại biên bản hoà giải ngày 22/12/2023 bà **K** trình bày:

Vào ngày 10/6/2020, bà **Cao Thị Thúy K** có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà **Cao Thị T1** tại thửa số 207, tờ đồ 23, diện tích 4.018,2m², loại đất lúa, đất tọa lạc ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long với giá 1.005.000.000đồng. Bà **K** đã giao đủ tiền cho bà **T1** nhưng bà **T1** chưa giao đất cho bà **K** vì trước đó phần đất có cõ đất cho bà **T** trồng cam từ ngày 21/5/2015 đến ngày 21/5/2020, đã hết hạn cõ nhưng cam đang

cho trái nên bà T1 nói bà K là xin cho bà T thuê thêm một năm nữa với giá 15.000.000đồng thì bà K cũng đồng ý và bà T1 nhận tiền 15.000.000đồng từ bà T. Bà T1 có hứa đến ngày 21/5/2021 thì sẽ giao đất cho bà K nhưng hết hạn mà bà T1 vẫn chưa giao đất cho bà K nên bà K có khởi kiện bà T1 ra Tòa án nhưng đang giải quyết do bà K phải chuyển hộ khẩu về sinh sống ở Phường H, thành phố V nên bà K rút đơn lại.

Đến tháng 02/2023 do có nhu cầu làm ăn nên bà K tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H, khi chuyển nhượng thì bà K có nói với anh H là phần đất này trước đây là bà K chuyển nhượng của bà T1 nhưng bà T1 chưa giao đất vì đất trước đó cho bà T có đất để trồng cam nhưng đã hết hạn và bà T có thuê thêm một năm thời hạn thuê đến 21/5/2021 là hết hạn, phía ông H1 cũng đồng ý mua. Khi mua đất của bà T1 xong thì hết thời hạn 01 năm bà T thuê đất thì bà K có nói với bà T1 kêu bà Tâm g đất thì bà T1 nói là có kêu bà Tâm g đất nhưng bà T không chịu giao mà còn chửi bà T1 nữa.

Nay bà K yêu cầu bà T phải trả đất cho ông H vì bà K đã chuyển nhượng đất cho ông H.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị T1 có đơn yêu cầu độc lập trình bày:

Vào ngày 21/5/2015 bà T1 có cõ đất cho bà T tại thửa số 207, tờ đồ 23, diện tích 4.018,2m², loại đất lúa, đất tọa lạc ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long với giá 150.000.000đồng, thời hạn cõ từ ngày 21/5/2015 đến năm ngày 21/5/2020, hai bên có làm giấy cõ đất với nhau, hết thời hạn 05 năm thì bà T1 không có tiền chuộc lại thấy cam còn tốt nên bà T1 có kêu bà T mua lại đất nhưng bà T không mua nên bà T1 cho bà T thuê thêm 01 nữa thời hạn từ 21/5/2020 đến 21/5/2021 thì hết hạn thuê với giá thuê là 15.000.000đồng.

Vào tháng 6/2020 bà T1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà K với giá 1.005.000.000đồng, bà T1 đã nhận đủ tiền, sau đó vào khoảng tháng 6/2021 bà T1 có đến gặp bà T chuộc đất hai lần nhưng bà T không cho mà còn đánh bà T1, khi chuyển nhượng thì bà T1 có nói cho bà K biết là phần đất bà T còn đang thuê trồng cam đến ngày 21/5/2021 thì mới hết hạn, bà K đồng ý mua và bà T1 cũng cam kết sau khi hết hợp đồng bà K thì sẽ giao đất cho bà K.

Nay bà T1 yêu cầu bà T trả lại phần đất tại thửa số 207, tờ đồ 23, diện tích 4.018,2m², loại đất lúa, đất tọa lạc ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1. Bà T1 đồng ý trả lại bà T tiền cõ đất là 150.000.000 đồng và không đồng ý hoàn lại giá trị cây trồng cho bà T vì đã hết hạn hợp đồng thuê đất. Ngoài ra, bà T1 yêu cầu bà T trả tiền thuê đất từ 6/2021 đến 10/2023 là 02 năm 04 tháng với giá là 1.250.000đồng/tháng, tổng cộng 35.000.000đồng.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật

tổ tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 165, 166, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 167, 203 Luật đất đai 2013; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn H**, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà **Trương Thị Thu T**. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **Cao Thị T1**.

- Buộc bà **Trương Thị Thu T** trả lại thửa đất 207, tờ bản đồ số 23, diện tích 4.018,2m² loại đất lúa, đất tọa lạc tại **ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** hiện đất do ông **Nguyễn Văn H** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **H** quản lý, sử dụng theo quy định. Ông **H** đồng ý cho bà **T** trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật phải di dời cây trồng để trả lại đất cho ông **Hiếu**.

- Buộc bà **Cao Thị T1** trả lại cho bà **Trương Thị Thu T** số tiền là 165.000.000đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà **Trương Thị thu T2** về việc yêu cầu bà **Cao Thị T1** trả lại số tiền 424.695.000đồng.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà **Cao Thị T1** về việc yêu cầu bà **Trương Thị Thu T** trả lại tiền thuê đất với số tiền 35.000.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng: ông **Nguyễn Văn H** tự nguyện nộp 7.000.000đồng chi phí khảo sát, đo đạc và thẩm định tài sản.

- Về án phí:

Buộc bà **Trương Thị Thu T** phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Cao Thị T1** là người cáo tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí sơ thẩm.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông **Nguyễn Văn H** yêu cầu bà **T** trả lại quyền sử dụng đất cho ông **T** tại thửa số 207, tờ đồ số 23, diện tích 4.018,2m², loại đất lúa, đất tọa lạc **ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** do ông **H** đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tranh chấp về quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tài sản tranh chấp là bất động sản và bị đơn ở **huyện T** nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

Bà Cao Thị Thúy K vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà K theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Các bên đương sự đều thừa nhận phần đất thửa 207, tờ bản đồ số 23, diện tích 4.018,2m² loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long hiện đất do ông Nguyễn Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của bà Cao Thị T1. Ngày 10/6/2020 bà Cao Thị T1 chuyển nhượng lại cho bà Cao Thị Thúy K đến ngày 06/01/2023 bà Cao Thị Thúy K tiếp tục chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn H và hiện nay ông H đã được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đây là sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 BLTTDS năm 2015.

Tại phiên toà sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị Thu T và bà Cao Thị T1 thống nhất trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Trương Thị Thu T trả phần đất tại thửa số 207, tờ đồ 23, diện tích 4.018,2m², loại đất lúa, đất tọa lạc ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đồng ý cho bà Trương Thị Thu T trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật thì bà T phải di dời cây trồng trên đất và trả lại phần đất nêu trên cho ông H.

Bà Trương Thị Thu T đồng ý di dời cây trồng và trả lại đất cho ông Nguyễn Văn H phần đất tại thửa số 207, tờ đồ 23, diện tích 4.018,2m², loại đất lúa, đất tọa lạc ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, đất do ông Nguyễn Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Trương Thị Thu T rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Cao Thị T1 trả số tiền giá trị cây trồng là 424.695.000đồng chỉ yêu cầu bà Cao Thị T1 trả lại số tiền là 165.000.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bà Cao Thị T1 đồng ý trả cho bà Trương Thị Thu T số tiền là 165.000.000đồng và rút lại yêu cầu độc lập yêu cầu bà Trương Thị Thu T trả lại số tiền là 35.000.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trương Thị Thu T. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị T1.

[2.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc bà Trương Thị Thu T trả cho ông Nguyễn Văn H phần đất tại thửa số 207, tờ đồ 23, diện tích 4.018,2m², loại đất lúa, đất tọa lạc ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, đất do ông Nguyễn Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 1 (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

Ông Nguyễn Văn H đồng ý cho bà Trương Thị Thu T trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật thì bà T phải di dời cây trồng để trả lại đất cho ông H.

[2.2]. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trương Thị Thu T.

Buộc bà Cao Thị T1 có trách nhiệm trả lại cho bà Trương Thị Thu T số tiền là 165.000.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa thi hành án xong thì phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà **Trương Thị Thu T** về việc yêu cầu bà **Cao Thị T1** trả lại số tiền là 424.695.000đồng.

[2.3]. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà **Cao Thị T1** về việc yêu cầu bà **Trương Thị Thu T** trả lại số tiền là 35.000.000đồng.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 7.000.000đồng. Ông **Nguyễn Văn H** tự nguyện nộp 7.000.000đồng (đã nộp xong).

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà **Cao Thị T1** là người cao tuổi nên bà **T1** được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **H2** lại cho ông **Nguyễn Văn H** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.529.575đồng theo biên lai thu số No 0011440 ngày 08/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Bà **Trương Thị Thu T** phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.851.000đồng theo biên lai thu số No 0013748 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên bà **T** được nhận lại số tiền chênh lệch là 10.551.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 21, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 163; Điều 165; Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn H**.

Buộc bà **Trương Thị Thu T** trả cho ông **Nguyễn Văn H** phần đất tại thửa số 207, tờ đồ 23, diện tích 4.018,2m², loại đất lúa, đất tọa lạc **ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**, do ông **Nguyễn Văn H** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 1 (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

Ông **Nguyễn Văn H** đồng ý cho bà **Trương Thị Thu T** trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật thì bà **T** phải di dời cây trồng để trả lại đất cho ông **H**.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà **Trương Thị Thu T**.

Buộc bà **Cao Thị T1** có trách nhiệm trả lại cho bà **Trương Thị Thu T** số tiền là 165.000.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa thi hành án xong thì phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà **Trương Thị Thu T** về việc yêu cầu bà **Cao Thị T1** trả lại số tiền là 424.695.000đồng.

3/ Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà **Cao Thị T1** về việc yêu cầu bà **Trương Thị Thu T** trả lại số tiền là 35.000.000đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 7.000.000đồng. Ông **Nguyễn Văn H** tự nguyện nộp 7.000.000đồng (đã nộp xong).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà **Cao Thị T1** là người cao tuổi nên bà **T1** được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **H2** lại cho ông **Nguyễn Văn H** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.529.575đồng theo biên lai thu số No 0011440 ngày 08/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Bà **Trương Thị Thu T** phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.851.000đồng theo biên lai thu số No 0013748 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên bà **T** được nhận lại số tiền chênh lệch là 10.551.000đồng.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thị Hồng Chi